

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)

Số/ No.: 16092604/KQ
Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG**
Địa chỉ/ Address : 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng
Loại mẫu/ Type of sample : Nước sạch
Tên mẫu/ Name of sample : Tên mẫu: NƯỚC SẠCH ĐẦU NGUỒN TRẠM CẤP NƯỚC KHE GIÀNH
Mã số mẫu/ Code of sample : Vị trí lấy mẫu: Hộ Võ Văn Dũng - Thôn Đông Lâm, xã Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng
Mô tả mẫu/ Sample description : **160926-030**
Số lượng/ Quantity : Mẫu nước đựng trong chai nhựa 0,5L
Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 01 mẫu
Ngày trả kết quả/ Date of result : 16/09/2026 : 29/09/2026

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Kết quả (Result)	QCVN 01-1:2024/BYT
				160926-030	
1	(a) Arsen/Arsenic (As)	mg/L	SMEWW 3125B: 2023	KPH (LOD = 0,002)	0,01
2	(a) Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)/ Ammonium	mg/L	TCVN 6179-1:1996	< 0,1 (LOQ = 0,1)	1

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu phân tích nằm trong ngưỡng giới hạn của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT. /The water sample's parameters were inside the permissible limits specified in the National Technical Regulation QCVN 01-1: 2024/BYT.

Ghi chú/Notes:

- (*) Kết quả được biểu thị "<1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. /Results expressed as "<1 CFU" are considered as "no target microorganisms detected" on the test sample volume.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the analysis sample only.
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 5 days after reased the test results, except for microbiological criteria.
- KPH: Không phát hiện/ Not detected; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limit of detection; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/Limit of quantitation.
- Phòng thí nghiệm đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (317/TN-TĐC)/ The Testing Lab is granted a Certificate of Registration for Testing Activities (317/TN-TĐC) by the Ministry of Science and Technology.
- (a): Phương pháp đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia (BOA) – Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 599)/ Method is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation – Viet Nam (Vilas 599).

Trưởng phòng dịch vụ phân tích
(Head of analytical services)



Nguyễn Đoàn Bình

KT. Tổng Giám đốc/ PP.Director
Phó Tổng Giám đốc/ Vice Director

